ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Số: 2449 /QĐ-ĐHSP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 8 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

Về việc Công nhận kết quả thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài kỳ thi ngày 05-06/8/2025

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

Căn cứ Nghị định số 31/CP ngày 04 tháng 4 năm 1994 của Chính phủ về việc thành lập Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Thông tư số 10/2020/TT-BGDĐT ngày 14 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của đại học vùng và các cơ sở giáo dục đại học thành viên;

Căn cứ Nghị quyết số 39/NQ-HĐĐHTN ngày 19 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Đại học Thái Nguyên về việc Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Đại học Thái Nguyên;

Căn cứ Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm; Nghị quyết số 54/NQ-HĐT ngày 12 tháng 12 năm 2022 và Nghị quyết số 72/NQ-HĐT ngày 24 tháng 10 năm 2024 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm về việc Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy chế tổ chức và hoạt động của Trường Đại học Sư phạm ban hành kèm theo Nghị quyết số 40/NQ-HĐT ngày 29 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng trường Trường Đại học Sư phạm;

Căn cứ Thông tư số 27/2021/TT-BGDĐT ngày 07 tháng 10 năm 2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài;

Căn cứ Kế hoạch số 1233/KH-ĐHSP ngày 29 tháng 7 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên về tổ chức kì thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo Khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, đợt 3 năm 2025, kì thi ngày 05-06 tháng 8 năm 2025;

Căn cứ Tờ trình ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hội đồng thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài kỳ thi ngày 05-06/8/2025 đề nghị công nhận kết quả thi và cấp chứng chỉ cho thí sinh dự thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 05-06/8/2025;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Phòng Đào tạo.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công nhận kết quả kỳ thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài cho 16 thí sinh tổ chức thi ngày 05-06/8/2025 (*có danh sách kèm theo*).

Điều 2. Trưởng phòng Phòng Đào tạo, các Trưởng đơn vị có liên quan và các thí sinh có tên ở Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận :
- Như Điều 2 (để t/h);
- Lưu: VT, TT HTQT-ĐTTV, ĐT (03).

HIỆU TRƯỞNG

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM
ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN

PGS.TS Mai Xuân Trường

ĐẠI HỌC THÁI NGUYÊN
TRƯỜNG ĐẠI HỌC SƯ PHẠM

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

DANH SÁCH THÍ SINH ĐƯỢC CÔNG NHẬN KẾT QUẢ

Thi đánh giá năng lực tiếng Việt theo khung năng lực tiếng Việt dùng cho người nước ngoài, kỳ thi ngày 05-06/8/2025

(Kèm theo Quyết định số 2449/QĐ-ĐHSP ngày 20 tháng 8 năm 2025 của Hiệu trưởng Trường Đại học Sư phạm – Đại học Thái Nguyên)

TT	SBD	Số hộ chiếu	Họ và tên		Ngày sinh	Giới tính	Quốc tịch	Nghe	Đọc	Nói	Viết	Điểm TB	Quy đổi năng lực
1.	253001	PE0386669	UNURBAYAR	DAGIIJANCHIV	05/7/1990	Nữ	Mông Cổ	4.00	5.00	6.00	3.50	4.50	**B1**
2.	253002	AB1590191	CHIBURRE	HÉRCIO JASTICE	24/09/2001	Nam	Mô-dăm-bích	4.50	4.50	7.00	4.00	5.00	**B1**
3.	253003	P3013142	KAONHAHEUANG	LINSO	28/05/2004	Nữ	Lào	5.50	6.50	8.00	4.00	6.00	**B2**
4.	253004	PA0369065	LINXOMPHOU	NALONGKONE	20/12/2000	Nam	Lào	5.50	6.00	8.00	4.00	6.00	**B2**
5.	253005	P3090587	HOMMEXAI	NAMFON	16/09/2004	Nữ	Lào	4.50	7.50	7.50	5.50	6.50	**B2**
6.	253006	AB0827557	COSSA	NORDINO LISBOA	08/04/2001	Nam	Mô-dăm-bích	5.50	6.00	8.00	7.00	6.50	**B2**
7.	253007	P2964535	SIMMALAYVONG	PHINITH	30/03/2004	Nam	Lào	6.50	3.00	7.00	5.50	5.50	**B1**
8.	253008	P2916650	VONGSAVANG	PHINGKY	29/06/2007	Nữ	Lào	9.00	8.50	9.50	8.50	9.00	**C2**
9.	253009	P2821727	SOUTTHIPANYA	PHONEPASEUTH	08/08/2005	Nữ	Lào	5.50	5.50	8.00	5.00	6.00	**B2**
10.	253010	P2437580	SENGPATHOUMMANG	SOMBATH	02/05/2007	Nam	Lào	6.50	8.00	8.50	7.50	7.50	**C1**
11.	253011	PA0254650	SILIDAPHAN	SONESAVANH	07/02/2000	Nam	Lào	4.50	5.00	7.50	1.50	4.50	**B1**
12.	253012	P3105189	SEEPASEUTH	SOUDA	27/06/2003	Nữ	Lào	5.50	5.00	8.00	6.00	6.00	**B2**
13.	253013	P2951440	PHENGSI AROUN	SOUKPASEUTH	19/01/2007	Nam	Lào	4.50	6.50	8.00	5.50	6.00	**B2**
14.	253014	P2526040	NHOYSAYKHAM	SOULIDETH	17/04/2005	Nam	Lào	6.00	7.00	8.00	5.00	6.50	**B2**
15.	253015	P2939503	ONSY	SOULIYADET	05/08/1991	Nam	Lào	6.50	5.50	8.50	6.00	6.50	**B2**
16.	253016	P3148777	MOUNSENA	SOULIYO	04/04/2006	Nam	Lào	6.50	7.00	6.00	5.00	6.00	**B2**

Ấn định danh sách: 16 thí sinh./.